

Bản án số: 1508/2025/DS-PT

Ngày 27/11/2025

V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1075/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6647/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1993; địa chỉ: số nhà D, ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị G, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp P, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2025), có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: số nhà B, khu phố E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Đỗ Thanh P1, sinh năm 1997; địa chỉ: số nhà B, khu phố E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bà T và ông P1: Ông Hồ Minh H, sinh năm 1996; địa chỉ: số I, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc ông Trương Nhật Q, sinh năm 1975; địa chỉ: số A Lô B, CC D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2024), ông H có mặt, ông Q vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn bà Vũ Thị G trình bày:

Do quen biết qua những lần đi từ thiện cùng nhau nên nguyên đơn và bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thanh P1 (con trai của bà T) có trao đổi góp vốn mua mì để hưởng chênh lệch. Bị đơn ông P1 là giám đốc kinh doanh mì có cam kết trả lợi nhuận hàng tháng nên nguyên đơn đồng ý góp vốn. Cụ thể, nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền như sau:

- Vào tháng 10/2022, nguyên đơn có giao cho bà T 100.000.000 đồng tiền mặt để thuê kho chứa mì;

- Ngày 02/11/2022, nguyên đơn có chuyển khoản vào số tài khoản của ông P1 số 163704070005203 mở tại Ngân hàng H1 số tiền 160.000.000 đồng;

- Ngày 04/11/2022, nguyên đơn có chuyển khoản vào số tài khoản của ông P1 số 163704070005203 mở tại Ngân hàng H1 số tiền 190.000.000 đồng.

Tổng cộng nguyên đơn đã góp vốn cho bị đơn là 450.000.000 đồng.

Do hết thời gian góp vốn, bị đơn yêu cầu trả tiền nên trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2023, ông P1 có chuyển trả lại cho nguyên đơn số tiền góp vốn 120.000.000 đồng.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền góp vốn là 330.000.000 đồng và số tiền lợi nhuận tạm tính đến ngày 30/9/2023 là 140.000.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 470.000.000 đồng (trong đó số tiền góp vốn là 330.000.000 đồng và số tiền lợi nhuận tạm tính đến ngày 30/9/2023 là 140.000.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn cho rằng do ông P là người kinh doanh mì khô nên đồng ý thỏa thuận góp vốn để ăn chia lợi nhuận (thỏa thuận bằng lời nói và không có văn bản thỏa thuận về trả lợi nhuận), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền góp vốn và yêu cầu trả lợi nhuận, không yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm thanh toán và yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ sang Công an khởi tố bị đơn tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện bị đơn trình bày:

Với tư cách đại diện cho bà T: Vào khoảng tháng 10 năm 2022, bà T có thỏa thuận góp vốn với ông Phạm Văn P để mua củ mì khô làm ăn. Theo đó, bà T có nhận của ông P tổng cộng số tiền là 450.000.000 đồng, trong đó, tiền thuê kho là 100.000.000 đồng và số tiền mua mì khô là 350.000.000 đồng. Việc thỏa thuận góp vốn mua củ mì khô này là thỏa thuận riêng giữa bà T và ông P. Do tình hình kinh doanh củ mì khô không thuận lợi nên bà T đã trả cho ông P số tiền góp vốn mua mì khô theo các đợt như sau:

- Ngày 02/3/2023, thanh toán số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 03/3/2023, thanh toán số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 26/4/2023, thanh toán số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 01/5/2022, thanh toán số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 11/5/2022, thanh toán số tiền 35.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà T đã thanh toán cho ông P là 120.000.000 đồng. Như vậy, số tiền góp vốn mua mì khô bà T còn phải thanh toán cho ông P là 450.000.000 đồng - 120.000.000 đồng = 330.000.000 đồng.

Do tình hình kinh doanh củ mì khô không có lợi nhuận nên việc ông P khởi kiện bà T yêu cầu thanh toán tiền lợi nhuận tạm tính đến ngày 30/9/2023 là 140.000.000 đồng là không có căn cứ. Đối với yêu cầu thanh toán số tiền góp vốn mua mì khô 330.000.000 đồng, bà T đồng ý với yêu cầu của ông P, bà T sẽ thanh toán cho ông P số tiền này.

Với tư cách đại diện cho ông P1: Ông P1 không biết về thỏa thuận góp vốn giữa bà Nguyễn Thị T với ông Phạm Văn P. Do bà T không có tài khoản ngân hàng nên bà T và ông P thỏa thuận chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của ông P1. Sau khi nhận được số tiền chuyển khoản của ông P thì ông P1 rút ra và đưa lại cho bà T. Ngoài ra, khi bà T trả tiền cho ông P thì bà T sẽ đưa tiền cho ông P1 và ông P1 chuyển khoản trả số tiền đó đến tài khoản ngân hàng của ông P.

Ông P1 không phải là bị đơn mà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên. Do vậy, đề nghị Quý Tòa xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông P1 trong vụ án trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thanh P1 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn P số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lợi nhuận 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lãi suất và số tiền lợi nhuận 140.000.000 đồng và đề nghị xem xét vấn đề hình sự đối với hành vi của bà T và ông P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 140.000.000 đồng và yêu cầu xem xét lãi suất của số tiền 330.000.000 đồng. Như vậy, đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 330.000.000 đồng, các đương sự không kháng cáo. Do đó, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Xét, kháng cáo của nguyên đơn về việc xem xét lãi suất của số tiền 330.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 330.000.000 đồng và số tiền lợi nhuận 140.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền 140.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng là số tiền lợi nhuận. Bị đơn xác định việc kinh doanh thua lỗ nên mới kết thúc việc góp vốn trả lại tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc kinh doanh củ mì có lợi nhuận và chứng minh được việc kinh doanh có lợi nhuận, cũng như bị đơn cam kết việc trả số tiền 140.000.000 đồng lợi nhuận cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 140.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chuyển hồ sơ qua Công an để khởi tố bị đơn về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xét, tại Công văn số 1199 ngày 24/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P phúc đáp Công văn số 189/TA-DS của Tòa án cấp sơ thẩm. Theo nội dung Công văn trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xem xét nội dung tố giác và tài liệu kèm theo đơn, nhận thấy là vụ việc tranh chấp dân sự giữa ông P đối với ông P1 và bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nên đã ban hành văn bản trả lời đơn cho ông P, đề nghị ông P liên hệ đến Tòa án để được giải quyết và ông P đã thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nên yêu cầu của ông P chuyển hồ sơ qua cơ quan Công an để giải quyết là không có căn cứ.

[5] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Phạm Văn P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0008999 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: HS, VP (12), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết